

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V TỈNH YB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Trung Lợi;

2. Ông Đỗ Văn Bách.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh YB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thượng Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V tỉnh YB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 103/2023/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969. ĐKNKTT: Thôn BT, xã SB, huyện V, tỉnh YB; Tạm trú tại: Thôn CH, xã NB, huyện V, tỉnh YB; “Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1970; ĐKNKTT: Thôn BT, xã SB, huyện V, tỉnh YB; Tạm trú tại: Thôn CH, xã NB, huyện V, tỉnh YB; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2023 và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thịnh (nay là thị trấn Sơn Thịnh), huyện V, tỉnh YB vào ngày 17/02/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn BT, xã SB, huyện V, tỉnh YB. Đến năm 2019, vợ chồng ông bà chuyển đến sinh sống tại nhà của

em gái Bà Ng là Nguyễn Thị H ở Thôn CH, xã NB, huyện V, tỉnh YB, có đăng ký tạm trú tại Công an xã Nậm Búng. Do nhà của hai vợ chồng ở Thôn BT, xã SB đã bán, chuyển nhượng cho người khác. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh Bà Ng. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương hoà giải nhưng ông Đ không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay Bà Ng xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn Đ.

Về con chung: Bà Ng trình bày vợ chồng có 01 con chung là Bùi Văn H, sinh ngày 21/12/1997. Cháu H đã trưởng thành, Bà Ng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Bà Ng cung cấp cho Toà án các tài liệu chứng cứ gồm: Đăng ký kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh của con Bùi Văn H (Bản sao chứng thực); Căn cước công dân Bà Nguyễn Thị Ng, ông Bùi Văn Đ (Bản sao chứng thực); Giấy xác nhận thông tin cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện V đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng ông Bùi Văn Đ đều vắng mặt. Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Đ tại trụ sở UBND xã Nậm Búng, huyện V, tỉnh YB, ông Đ có khai nhưng không ký vào biên bản, không nhận các giấy báo của Toà án. Tại phiên tòa ông Đ khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Ng kết hôn trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sơn Thịnh vào năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống cùng nhau tại Thôn BT, xã SB, huyện V, tỉnh YB. Đến năm 2019 đã bán nhà tại xã Suối Bu, hai vợ chồng đến tạm trú tại Thôn CH, xã NB, huyện V. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, ông Đ không nộp bản tự khai, không đến Tòa để giải quyết vì ông không ly hôn với Bà Ng. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không Đồng ý ly hôn, ông Đ chỉ đồng ý ly hôn với Bà Ng nếu Bà Ng có mặt.

Về con chung: Ông Đ khai vợ chồng có 01 con chung là Bùi Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu gì.

Toà án đã tiến hành xác minh tại xã Nậm Búng, huyện V, tỉnh YB nơi Bà Ng, ông Đ đang tạm trú được trưởng Thôn CH, xã NB cho biết: Bà Ng và ông Đ có hộ khẩu thường trú ở Thôn BT, xã SB, huyện V, tỉnh YB nhưng chuyển đến tạm trú ở Thôn CH, xã NB, huyện V từ năm 2019 và ở nhà em gái của Bà Ng là bà Nguyễn Thị H. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, Bà Ng và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, chính quyền thôn và công an xã đã phải đến để hoà giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã tiến hành

đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Ng với ông Bùi Văn Đ.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn BT, xã SB, huyện V, tỉnh YB và hiện đang tạm trú tại Thôn CH, xã NB, huyện V, tỉnh YB vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh YB thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Bùi Văn Đ là vợ chồng hợp pháp kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thịnh (Nay là thị trấn Sơn Thịnh), huyện V, tỉnh YB. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Bà Ng và ông Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

- Bà Ng và ông Đ đều trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng cãi, chửi nhau do ông Đ thường xuyên uống rượu. Bà Ng xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng với Bà Ng vẫn còn, không Đ ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc và tổng đạt Thông báo hoà giải cho ông Đ nhưng ông Đ không nhận, không ký vào biên bản lấy lời khai. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cũng thể

hiện, Bà Ng và ông Đ thường xảy ra mâu thuẫn vợ, chồng cãi chửi nhau và đã được chính quyền địa phương đến giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Bà Ng và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của Bà Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà Ng và ông Đ có 01 con chung là Bùi Văn H, sinh ngày 21/12/1997. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn ông Bùi Văn Đ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Bà Ng đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003724 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh YB. Bà Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Bùi Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh YB;
- VKSND.H V;
- CCTHADS.H V;
- UBND thị trấn ST;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thành Long